

Số: 17/2020/QĐST - HNGĐ

Yên Mô, ngày 28 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ thụ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị T, sinh năm 1993

HKTT: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;

Hiện nay trú tại: Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Trần Sỹ Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tòng Thị T và anh Trần Sỹ Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con: Giao cho chị Tòng Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2012. Anh Trần Sỹ Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T mỗi tháng là

1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi cháu Trần Thị Minh T2 thành niên.

Anh Trần Sỹ Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Trần Thị Minh T2 chung sống với chị Tòng Thị T và anh Trần Sỹ Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; chị Tòng Thị T không được cản trở anh Trần Sỹ Đ trong việc trông nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị Tòng Thị T có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Trần Sỹ Đ không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2.2 Về tài sản chung: Chị Tòng Thị T và anh Trần Sỹ Đ thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn: Chị Tòng Thị T và anh Trần Sỹ Đ thống nhất để Tòng Thị T nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002217 ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn trả lại cho chị Tòng Thị T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Sỹ Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, nên anh Đ phải án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Hòa;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa